

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Ninh Tuấn D; nơi cư trú: Thôn AN, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị H; nơi cư trú: Thôn AN, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Ninh Tuấn D trình bày: Ông và bà Phạm Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 04-02-1986. Do gia đình bị thiên tai lũ lụt, các giấy tờ bị thất lạc nên ông không còn giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà hoà thuận thời gian

đầu và có hai con chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, mặt khác bà H luôn nghi ngờ ông ngoại tính nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, bất hòa. Từ năm 2015 đến nay ông bà sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay ông D xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H .

Về con chung: Ông và bà Phạm Thị H có 02 con chung là Ninh Tất C, sinh ngày 18-8-1987 và Ninh Viết V, sinh ngày 28-7-1989, hiện nay đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, các bản tố tụng khác và trong quá trình xét xử bị đơn bà Phạm Thị H xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như ông D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do ông D có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng luôn xảy ra xô sát, bất hòa. Từ năm 2015 đến nay, ông bà sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay ông D xin ly hôn, bà không đồng ý.

Về con chung: Bà và ông Ninh Tuấn D có 02 con chung là Ninh Tất C, sinh ngày 18-8-1987 và Ninh Viết V, sinh ngày 28-7-1989, hiện nay đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Ninh Tuấn D và bà Bà Phạm Thị H được xác lập ngày 04-02-1986 là hôn nhân hợp pháp. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ông Ninh Tuấn D được ly hôn với bà Phạm Thị H. Về con chung của ông bà đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung: Ông D và bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bà Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn AN , xã TL , huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa ông Ninh Tuấn D và bà Phạm Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ninh Tuấn D và bà Phạm Thị H xác nhận ông bà kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL , huyện VB vào ngày 04-02-1986. Do gia đình bị thiên tai lũ lụt, các giấy tờ bị thất lạc nên ông bà không còn giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Qua xác minh tại UBND xã TL và Phòng Tư pháp huyện VB thì sổ lưu trữ đăng ký kết hôn của UBND xã TL năm 1986 hiện không còn sổ lưu. Tuy nhiên, ông Lại Đình Thoan, là cán bộ tư pháp xã TL , huyện VB, thành phố Hải Phòng thời kỳ 1983-1989 xác nhận: Vào tháng 02 năm 1986 ông là người đăng ký kết hôn cho ông Ninh Tuấn D và bà Phạm Thị H. Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Ninh Tuấn D và bà Bà Phạm Thị H được xác lập ngày 04-02-1986 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà hoà thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn nghi ngờ nhau về tình cảm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ năm 2015 đến nay, ông bà sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay ông D nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H , bà H không đồng ý ly hôn với ông D . Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của ông Ninh Tuấn D xin ly hôn với bà Phạm Thị H phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Ninh Tuấn D và bà Phạm Thị H có 02 chung là Ninh Tất C, sinh ngày 18-8-1987 và Ninh Viết Vệ, sinh ngày 28-7-1989, hiện nay đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Ninh Tuấn D và bà Phạm Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Ninh Tuấn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Ninh Tuấn D được ly hôn với bà Phạm Thị H.
2. Về con chung: Ông Ninh Tuấn D và bà Phạm Thị H có 02 con chung chung là Ninh Tất C, sinh ngày 18-8-1987 và Ninh Viết V sinh ngày 28-7-1989, hiện nay đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Ông Ninh Tuấn D và bà Phạm Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Ông Ninh Tuấn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ông D đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008039 ngày 10 tháng 02 năm 2020. Ông Ninh Tuấn D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã TL huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**

